TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-PT
Ngày 05 - 9 - 2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2024/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh La Ngọc H, sinh năm 1990 (Có mặt).

Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh Như N, sinh năm 1995 (Có mặt).

Trú tại: Số A, khu V, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Vũ H1, sinh năm 1981 (Có mặt).

Trú tại: Số A, ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh La Ngọc H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn anh La Ngọc H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thanh N1 N quen biết, tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới sống chung với nhau từ năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hai vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên anh và vợ đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với vợ là chị Nguyễn Thanh Như N.

Về con chung: Anh La Ngọc H và chị Nguyễn Thanh N1 N có 02 người con chung tên là La Ngọc Thiên D (nữ), sinh ngày 22/7/2017 và La Gia K (nam), sinh ngày 11/02/2019. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với anh H, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Nguyễn Thanh Như N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu về nợ chung, nguyên đơn có lời trình bày như sau:

Đối với yêu cầu của ông Lê Vũ H1 thì anh không đồng ý. Anh cho rằng vợ chồng anh xài tiền riêng, chi tiêu sinh hoạt không sử dụng tiền chung, việc vợ anh có nợ ông H1 số tiền 255.000.000 đồng anh hoàn toàn không hay biết, do cá nhân chị N khi làm việc tại ViettelPost nợ tiền của ông H1 nên đối với yêu cầu của ông H1 thì anh không đồng ý.

Quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thanh Như N có lời trình bày:

Chị thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung tên là La Ngọc Thiên D (nữ), sinh ngày 22/7/2017 và La Gia K (nam), sinh ngày 11/02/2019. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với anh H, chị đồng ý để anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu về nợ chung, bị đơn có lời trình bày như sau:

Chị thống nhất với phần trình bày của ông Lê Vũ H1 về việc chị có nợ ông H1 số tiền 255.000.000 đồng. Chị thừa nhận thời điểm chị là Trưởng bưu cục của ViettelPost huyện P - Chi nhánh H3 thì vào ngày 05/09/2022 chị có gọi điện và nhắn

tin cho ông H1 (là nhân viên ngân hàng) nhờ trả dùm chị hai món nợ phí ViettelPost của nhà cung cấp V - Chi nhánh H3 là NT26813093 & NT26759408, của Cửa hàng V1 tổng số tiền là 667.283.114 đồng (01 món: 171.348.364 đồng và 01 món là: 495.934.750 đồng).

Đến khoảng 16 giờ chiều cùng ngày chị có trả cho ông H1 số tiền 172.366.114 đồng. Đến ngày 09/09/2022 thì chị tiếp tục trả cho ông H1 số tiền là 239.917.000 đồng, hiện tại chị thừa nhận chị còn nợ lại ông H1 tổng số tiền 255.000.000 đồng. Chị cho rằng do hoàn cảnh làm ăn thua lỗ nên không có khả năng chi trả cho ông H1 theo đúng thỏa thuận nên nay chị thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho ông H1 số tiền 255.000.000 đồng này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Vũ H1 có lời trình bày:

Trước đây ông là nhân viên của Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện P. Vào ngày 05/09/2022, ông có nhận điện thoại và tin nhắn của chị Nguyễn Thanh N1 N nhờ ông trả dùm hai món nợ phí ViettelPost của nhà cung cấp V - Chi nhánh H3 là NT26813093 & NT26759408, của Cửa hàng Viettel Phụng H2 với tổng số tiền là 667.283.114 đồng (01 món: 171.348.364 đồng và 01 món là: 495.934.750 đồng) với lý do chị N đang bận nhưng phải nộp gấp và hứa sẽ mang tiền mặt sang Ngân hàng trả cho ông ngay. Do mối quan hệ quen biết trước đó nên ông đã tin tưởng và giúp cho N trả trước mà không có giấy tờ biên nhận gì.

Đến khoảng 16 giờ chiều cùng ngày chị N chỉ nộp trả cho ông số tiền 172.366.114 đồng, còn thiếu lại 494.917.000 đồng. Đến hết ngày 09/09/2022 thì chị N có nộp trả tổng số tiền là 239.917.000 đồng, còn nợ lại 255.000.000 đồng. Từ ngày 10/09/2022 đến nay chị Nguyễn Thanh N1 N không liên hệ để trả số tiền 255.000.000 đồng cho ông.

Nay ông yêu cầu chị Nguyễn Thanh Như N và anh La Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 255.000.000đ và lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày 10/09/2022 đến nay.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2024/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh La Ngọc H được ly hôn với chị Nguyễn Thanh Như N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của anh H và chị N, anh La Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu La Ngọc Thiên D (nữ), sinh ngày 22/7/2017 và La Gia K (nam), sinh ngày 11/02/2019. Do anh H chưa yêu cầu

cấp dưỡng nên không xem xét. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị N không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh La Ngọc H và chị Nguyễn Thanh Như N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Vũ H1 số tiền 298.524.658đ (Hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

3. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, buộc anh La Ngọc H và chị Nguyễn Thanh N1 N có nghĩa vụ liên đới trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Vũ H1 số tiền nợ vay là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày 10/09/2022 đến ngày 24/5/2024 là 43.524.658đ (bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng). Tổng cộng anh H và chị N phải trả cho ông H1 là 298.524.658đ (Hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thanh toán, thì hàng tháng còn phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn anh La Ngọc H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý liên đới trả nợ cùng vợ là chị Nguyễn Thanh N1 N cho ông Lê Vũ H1. Anh La Ngọc H cho rằng nợ riêng của chị Nguyễn Thanh Như N, chị N phải có trách nhiệm trả cho ông H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về tranh chấp nợ chung. Cả nguyên đơn và bị đơn không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng nguyên đơn kháng cáo không đồng ý liên đới với vợ là chị Nguyễn Thanh N1 N trả số tiền nợ và lãi suất 298.524.658đồng cho ông Lê Vũ H1, là có cơ sở. Bởi chị Nguyễn Thanh N1 N là

người trực tiếp vay tiền của ông Lê Vũ H1, để chi trả cho nợ trong quá trình công tác, không mang tiền vay về nhằm chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, món nợ của chị Nguyễn Thanh N1 N nợ ông Lê Vũ H1 là nợ riêng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh La Ngọc H, sửa Bản án sơ thẩm số 07/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn anh La Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thanh Như N đang cư trú tại thành phố N, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" đúng với quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn anh La Ngọc H có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: *Nguyên đơn anh La Ngọc H kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn có trách nhiệm liên đới bị đơn chị Nguyễn Thanh N1 N trả nợ cho ông Lê Vũ H1 số tiền 298.524.658đồng.*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân và con chung*

Anh La Ngọc H và chị Nguyễn Thanh Như N đã mâu thuẫn trầm trọng, và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Tại Tòa sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng tình cảm không còn và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh La Ngọc H và chị Nguyễn Thanh Như N đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án sơ thẩm căn cứ vào quy định tại Điều 9, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh La Ngọc H là có cơ sở và đúng quy định pháp pháp.

Nguyên đơn anh La Ngọc H và bị đơn chị Nguyễn Thanh Như N đã thoả thuận được với nhau, giao anh La Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là La Ngọc Thiên D (nữ), sinh ngày 22/7/2017 và La Gia K (nam), sinh ngày

11/02/2019, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị N không ai được quyền cản trở.

Nên về quan hệ hôn nhân và con chung các bên đương sự không có ai kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.2] *Đối với nợ chung*

Bị đơn chị Nguyễn Thanh N1 Ngọc công tác tại Bưu cục của ViettelPost huyện P – Chi nhánh H3, phát sinh mượn nợ của ông Lê Vũ H1 tổng số tiền 667.283.114 đồng để trả nợ phí ViettelPost. Chị N đã trả được nợ cho ông H1 và còn nợ lại số tiền 255.000.000đồng, đây là nợ phát sinh trong quá trình công tác, là trách nhiệm cá nhân của chị N. Mặt khác, anh La Ngọc H không biết việc chị N vay tiền của ông Lê Vũ H1. Chị N vay tiền của ông H1 không mang về nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Như vậy, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch vay tiền của ông Lê Vũ H1 do chị Nguyễn Thanh N1 N xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình, theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là trách nhiệm riêng của chị N. Do đó, chị Nguyễn Thanh N1 N phải có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của ông Lê Vũ H1. Tòa sơ thẩm buộc anh La Ngọc H có trách nhiệm liên đới với chị Nguyễn Thanh N1 N trả nợ số tiền 298.524.658đồng là không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh La Ngọc H kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm về việc buộc anh có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cho ông Lê Vũ H1 số tiền 298.524.658đồng là có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các điều 27, 30, 37, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh La Ngọc H.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: không ai phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27, Điều 30, Điều 37, Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh La Ngọc H. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh La Ngọc H được ly hôn với chị Nguyễn Thanh Như N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của anh H và chị N, anh La Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu La Ngọc Thiên D (nữ), sinh ngày 22/7/2017 và La Gia K (nam), sinh ngày 11/02/2019. Do anh H chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thanh N1 N không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nợ chung.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Vũ H1, về việc yêu cầu chị Nguyễn Thanh N1 N có trách nhiệm trả nợ vay 255.000.000đồng và lãi suất phát sinh.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thanh N1 N có trách nhiệm trả nợ cho ông Lê Vũ H1 số tiền nợ vay và lãi suất 298.524.658đ (Hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thanh toán, thì hàng tháng còn phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

6. Về án phí

- Án phí sơ thẩm:Buộc nguyên đơn anh La Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chuyển từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005606 ngày 27/10/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Buộc chị Nguyễn Thanh Như N phải chịu 14.926.232đ (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Ông Lê Vũ H1 được nhận lại 6.375.000đ (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005618 ngày 09/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Án phí phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn trả lại nguyên đơn anh La Ngọc H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), anh H đã nộp theo Biên lai thu số 0005786 ngày 04

tháng 6 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

7. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 05/9/2024).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Ngã Bảy;
- Chi cục THADS thành phố Ngã Bảy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Phượng